

Số: **2501** /QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày **13** tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Phương án thoái vốn Nhà nước đầu tư tại  
Công ty cổ phần Nước sạch Hoà Bình.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 15/01/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh nước sạch Hoà Bình; Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 31/3/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh nước sạch Hoà Bình thành Công ty cổ phần Nước sạch Hoà Bình; Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về việc phê duyệt điều chỉnh phần vốn nhà nước Công ty cổ phần Nước sạch Hoà Bình;

Xét đề nghị của Sở Tài chính, tại Tờ trình số 422 TTr/STC-TCĐN ngày 07/12/2017 về việc phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Nước sạch Hoà Bình,

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Phê duyệt Phương án thoái vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty cổ phần Nước sạch Hoà Bình, cụ thể như sau:

**1. Mục đích thoái vốn:**

Nhằm tái cấu trúc lại doanh nghiệp theo lĩnh vực, ngành kinh tế mà Nhà nước không cần nắm giữ, thu hút các nhà đầu tư và các nguồn vốn đầu tư vào doanh nghiệp làm đa dạng hóa chủ sở hữu, trên nguyên tắc đúng chủ trương, định hướng của Nhà nước nhằm đảm bảo công khai, minh bạch có hiệu quả, tạo điều kiện doanh nghiệp phát triển.

**2. Phương thức thoái vốn:** Thực hiện bán đấu giá cổ phần Nhà nước theo quy định.

**3. Cổ phần bán đấu giá:**

- Cổ phần nhà nước dự kiến bán đấu giá là: 1.603.000 cổ phần (tương ứng 24% tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty);

- Giá bán cổ phần (giá sàn) để bán đấu giá công khai: 12.024 đồng/01 cổ phần (làm tròn là 12.100 đồng/01/cổ phần).

*(Có phương án thoái vốn Nhà nước chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Trưởng ban Đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp, chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Nước sạch Hoà Bình thực hiện thoái vốn nhà nước đầu tư theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc: Công ty cổ phần Nước sạch Hoà Bình căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó CVP/UBND tỉnh;
- Lưu:VT, TCTM, LT (14<sup>b</sup>).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Văn Khánh**

Hòa Bình, ngày tháng 12 năm 2017

**PHƯƠNG ÁN**

**Thoái vốn nhà nước đầu tư tại Công ty cổ phần Nước sạch Hoà Bình**  
(Kèm theo Quyết định số: 2501/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của UBND tỉnh Hoà Bình)

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 15/01/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh nước sạch Hoà Bình; Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 31/3/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh nước sạch Hoà Bình thành Công ty cổ phần Nước sạch Hoà Bình; Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về việc phê duyệt điều chỉnh phần vốn nhà nước Công ty cổ phần Nước sạch Hoà Bình.

**II. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CỦA DOANH NGHIỆP VÀ THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH TÀI SẢN, NGUỒN VỐN, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ LỢI TỨC CỔ PHẦN**

**1. Đặc điểm, tình hình của doanh nghiệp**

- Công ty cổ phần Nước sạch Hoà Bình được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần đi vào hoạt động từ ngày 01/10/2009;
- Giấy đăng ký kinh doanh số: 5400108279 ngày 16/9/2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 08/8/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hoà Bình cấp;
- Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh nước sạch;



- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán nước sạch, lắp đặt, sửa chữa, mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp thoát nước, khảo sát, thiết kế, lập luận chứng kinh tế kỹ, thuật chuyên ngành cấp thoát nước, quản lý, khai thác, xây dựng các công trình cấp thoát nước sinh hoạt đô thị và nông thôn, xây dựng các công trình dân dụng sản xuất, mua bán nước đóng chai nước tinh khiết, dịch vụ cho thuê nhà, tài sản máy móc thiết bị, phương tiện vận tải;

- Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2016 là: 66.792.897.475 đồng, trong đó:

+ Giá trị phần vốn nhà nước nắm giữ là: 42.747.457.475 đồng;

+ Vốn của các cổ đông là: 24.045.440.000 đồng.

## **2. Mục đích chuyển nhượng vốn**

Nhằm tái cấu trúc lại doanh nghiệp theo lĩnh vực, ngành kinh tế mà nhà nước không cần nắm giữ, thu hút các nhà đầu tư và các nguồn vốn đầu tư vào doanh nghiệp làn đa dạng hóa chủ sở hữu, trên nguyên tắc đúng chủ trương, định hướng của nhà nước nhằm đảm bảo công khai, minh bạch có hiệu quả, tạo điều kiện doanh nghiệp phát triển.

## **3. Thông tin về tình hình tài sản, nguồn vốn, kết quả hoạt động kinh doanh và lợi tức cổ phần:**

### **3.1. Tài sản và nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2016:**

<b>a) Tổng tài sản:</b>	<b>267.738.489.633 đồng.</b>
- Tài sản ngắn hạn:	23.393.603.497 đồng;
+ Tiền và các khoản tương đương tiền:	2.840.866.753 đồng;
+ Đầu tư tài chính ngắn hạn:	11.700.000.000 đồng;
+ Các khoản phải thu ngắn hạn:	3.000.112.546 đồng;
+ Hàng tồn kho:	5.846.209.653 đồng;
+ Tài sản ngắn hạn khác:	6.414.545 đồng;
- Tài sản dài hạn:	244.344.886.136 đồng;
+ Tài sản cố định:	226.619.586.589 đồng;
Nguyên giá:	324.837.693.565 đồng;
Giá trị hao mòn lũy kế:	98.218.106.976 đồng;
+ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:	449.509.663 đồng;
+ Bất động sản đầu tư:	552.590.072 đồng;
+ Tài sản dài hạn khác:	1.050.833.756 đồng.
<b>b) Nguồn vốn:</b>	<b>267.738.489.633 đồng.</b>
- Nợ phải trả:	183.051.866.665 đồng;
+ Nợ ngắn hạn:	7.163.110.995 đồng;
+ Nợ dài hạn:	175.888.755.670 đồng;
- Vốn chủ sở hữu:	84.686.622.968 đồng;

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	66.792.897.475 đồng;
+ Quỹ đầu tư phát triển:	1.468.464.306 đồng;
+ Quỹ dự phòng tài chính:	0,0 đồng;
+ Lợi nhuận chưa phân phối:	2.536.613.369 đồng;
+ Nguồn vốn đầu tư XDCB:	13.888.647.818 đồng.

### 3.2. Kết quả hoạt động kinh doanh và lợi tức cổ phần

Chỉ tiêu	Năm 2014 (triệu đồng)	Năm 2015 (triệu đồng)	Năm 2016 (triệu đồng)
1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	38.633	45.198	48.199
2. Giá vốn hàng bán	27.814	30.388	32.846
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	10.819	14.810	15.353
4. Doanh thu hoạt động tài chính	736	728,8	550
5. Chi phí tài chính	423	261,8	100,8
6. Chi phí bán hàng	2.605	6.342	6.215
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.261	5.688	6.490
8. Lợi nhuận từ hoạt động KD	3.266	3.247	3.097
9. Thu nhập khác	104	32	26,7
10. Chi phí khác	254	264,5	6,8
11. Lợi nhuận khác	-150	-232,5	19,9
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.116	3.015	3.117
13. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	692	726,4	630
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.424	2.288	2.487
15. Lãi cơ bản trên vốn đầu tư chủ sở hữu	651	342	372

### III. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán (đồng)	Số liệu xác định lại (đồng)	Chênh lệch (đồng)
1	2	3	4=2-1
<b>A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)</b>	<b>267.738.489.633</b>	<b>277.249.488.577</b>	<b>9.510.998.944</b>
<b>I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>	<b>244.344.886.136</b>	<b>253.710.001.330</b>	<b>9.365.115.194</b>
1. Tài sản cố định	226.619.586.589	235.984.701.783	9.365.115.194
a. Tài sản cố định hữu hình	226.619.586.589	235.984.701.783	9.365.115.194
b. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
c. Tài sản cố định vô hình (chưa bao gồm GT QSD đất)	-	-	-
2. Bất động sản đầu tư	552.590.072	552.590.072	-

3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			-
4. Tài sản dở dang dài hạn	449.509.663	449.509.663	-
5. Các khoản phải thu dài hạn	15.672.366.056	15.672.366.056	-
6. Chi phí trả trước dài hạn (chưa gồm GT lợi thế KD)	1.050.833.756	1.050.833.756	-
7. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-
8. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	-	-	-
9. Tài sản dài hạn khác			-
<b>II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>23.393.603.497</b>	<b>23.539.487.247</b>	<b>145.883.750</b>
1. Tiền	2.840.866.753	2.840.866.753	-
a. Tiền mặt tồn quỹ	2.840.866.753	2.840.866.753	-
b. Tiền gửi ngân hàng	-	-	-
c. Tiền đang chuyển	-	-	-
2. Các khoản tương đương tiền	-	-	-
3. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	11.700.000.000	11.700.000.000	-
4. Các khoản phải thu ngắn hạn	3.000.112.546	3.112.924.286	112.811.740
5. Vật tư hàng hóa tồn kho	5.846.209.653	5.846.209.653	-
6. Tài sản ngắn hạn khác	6.414.545	39.486.555	33.072.010
+ Thuế GTGT được khấu trừ	6.414.545	6.414.545	-
+ CCDC đã phân bổ 100% giá trị		33.072.010	33.072.010
7. Chi phí sự nghiệp	-	-	-
<b>III. Giá trị lợi thế doanh của DN</b>	-	-	-
<b>B. Tài sản không cần dùng</b>	-	-	-
<b>C. Tài sản chờ thanh lý</b>	-	-	-
Tài sản cố định (			
<b>D. Tài sản hình thành từ quỹ PL, khen thưởng (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)</b>	-	-	-
<b>Tổng giá trị TS của DN (A+B+C+D)</b>	<b>267.738.489.633</b>	<b>277.249.488.577</b>	<b>9.510.998.944</b>
<b>Trong đó: Tổng giá trị thực tế DN (mục A)</b>	<b>267.738.489.633</b>	<b>277.249.488.577</b>	<b>9.510.998.944</b>
<b>E1. Nợ thực tế phải trả</b>	<b>183.051.866.665</b>	<b>183.051.866.665</b>	-
<b>E2. Nguồn XD cơ bản</b>	<b>13.888.647.818</b>	<b>13.888.647.818</b>	-
<b>Tổng giá trị thực tế phần vốn chủ sở hữu tại DN {A- (E1+E2)}</b>	<b>70.797.975.150</b>	<b>80.308.974.094</b>	<b>9.510.998.944</b>
<b>Số cổ phần đang lưu hành</b>	<b>6.679.290</b>	<b>6.679.290</b>	-
<b>Giá cổ phần (đồng/ cổ phần)</b>	<b>10.600</b>	<b>12.023,6</b>	
<b>Làm tròn (đồng/ cổ phần)</b>		<b>12.100</b>	

#### IV. PHƯƠNG ÁN THOẢI VỐN

1. Vốn chủ sở hữu hiện có: 66.792.897.475 đồng, trong đó:

- Giá trị phần vốn nhà nước nắm giữ là: 42.747.457.475 đồng, tương ứng với 64% vốn điều lệ của Công ty;



- Vốn của các cổ đông là: 24.045.440.000 đồng, tương ứng với 36% vốn điều lệ của Công ty;
- Mệnh giá cổ phần là: 10.000 đồng/cổ phần.
- 2. Cổ phần Nhà nước dự kiến bán đấu giá là 1.603.000 cổ phần, tương ứng 24% vốn điều lệ của Công ty.
- 3. Giá bán cổ phần (giá sàn) để bán đấu giá công khai: 12.024 đồng/01 cổ phần (làm tròn là 12.100 đồng/01/cổ phần).
- 4. Thời gian tổ chức bán cổ phần: Từ tháng 12/2017.
- 5. Địa điểm bán đấu giá cổ phần: Thực hiện theo quy định của Nhà nước hiện hành (tại Sở Giao dịch chứng khoán).
- 6. Số tiền thu được từ bán cổ phần sau khi trừ chi phí bán, số còn lại nộp vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp; Số tài khoản: 3761.0.1036694 - tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Hòa Bình; Thời hạn thanh toán nộp tiền không quá 15 ngày, kể từ ngày công bố kết quả đấu giá công khai./

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Văn Khánh**